

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN Y  
TỈNH H**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2024/HNGĐ- ST  
Ngày 27 tháng 8 năm 2024  
V/v Tranh chấp hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH H**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Phan Thị Nhiên**.

*Các Hội Thẩm nhân dân:*

1. Ông **Vũ Minh Đón** - Nguyên Bí thư Đoàn xã H;

2. Ông **Lê Xuân Thuật** - Cán bộ hưu trí xã Y.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Huệ** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Y.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa:* Ông **Nguyễn Ngọc Thơ** - Kiểm sát viên

Trong ngày 27 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Y, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 56/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2024 về việc Tranh chấp hôn nhân gia đình. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị **Trịnh Thị L**, sinh năm 1996; Cư trú: Thôn B, xã Y, huyện Y, tỉnh H. Có mặt.

**2. Bị đơn:** Anh **Phạm Văn H**, sinh năm 1995; Cư trú: Thôn T, xã Y, huyện Y, tỉnh H. Vắng mặt..

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Cháu **Phạm Minh P**, sinh ngày 13/10/2022. Người đại diện hợp pháp cho cháu P: Anh Phạm Văn H và chị Trịnh Thị L (*bố, mẹ đẻ của cháu*). Chị L có mặt, anh H vắng mặt

**4. Những người làm chứng:**

4.1. Bà **Tạ Thị Đ**, sinh năm 1965; Địa chỉ: Thôn T, xã Y, huyện Y, tỉnh H. Vắng mặt.

4.2. Bà **Phùng Thị A**, sinh năm 1975; Địa chỉ: Thôn B, xã Y, huyện Y, tỉnh H. Vắng mặt.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 4 năm 2024 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Trịnh Thị L trình bày:*

Chị kết hôn với anh Phạm Văn H trên cơ sở tự nguyện, có thời gian tìm hiểu trước khi cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y ngày 26/4/2022 tại số 33/2022. Sau khi được hai gia đình tổ chức lễ cưới, chị về chung sống cùng anh H, vợ chồng hòa thuận được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng với nhau về quan điểm lối sống, về kinh tế và trong sinh hoạt hàng ngày, hai bên gia đình đã hòa giải nhưng không được, anh H không tôn trọng gia đình chị, mâu thuẫn tồn tại và kéo dài đến đầu năm 2024 thì xảy ra căng thẳng nên chị đã đem con bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ đó cho đến nay vợ chồng sống ly thân. Trong thời gian sống ly thân chị và anh H không quan tâm trách nhiệm đến nhau nữa, chỉ trao đổi với nhau về chuyện của con cái. Nay chị xét thấy tình cảm với anh H không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H để chị có điều kiện ổn định cuộc sống riêng.

- Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Phạm Minh P – sinh ngày 13/10/2022. Từ khi vợ chồng sống ly thân nhau đến nay thì cháu vẫn ở với chị. Ly hôn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng cháu P cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay chị làm tại phòng khám mức thu nhập 9.500.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung, công nợ, công sức, ruộng canh tác: Chị tự nguyện không đề nghị Tòa án giải quyết.

*Bị đơn anh Phạm Văn H trình bày:* Về quá trình kết hôn, chung sống, mâu thuẫn vợ chồng của anh và Chị L như Chị L trình bày, Chị L xin ly hôn, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh H công nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Phạm Minh P, sinh ngày 13/10/2022, hiện nay đang ở với Chị L. Ly hôn, anh xin được chăm sóc và nuôi dưỡng cháu P cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và tự nguyện không yêu cầu Chị L cấp dưỡng nuôi con chung. Nếu Chị L nuôi con thì tự nuôi, anh không cấp dưỡng.

Về tài sản chung, công nợ, công sức chung và các vấn đề khác: Anh không đề nghị tòa án giải quyết.

*Người làm chứng:*

- Bà Tạ Thị Đ là mẹ đẻ của anh H trình bày: Gia đình bà có biết việc mâu thuẫn giữa vợ chồng anh H Chị L, vợ chồng còn trẻ nên hay cãi nhau, gia đình đã khuyên nhủ nhiều để các con hòa thuận chung sống làm ăn nuôi con nhưng không được, sau khi Chị L bỏ đi, bà đã đến nói chuyện với bố mẹ Chị L và Chị

L để đón mẹ con Chị L về chung sống cùng anh H nhưng Chị L nhất định không về. Nay bà đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

- Bà Phùng Thị A là mẹ đẻ của Chị L trình bày: Việc kết hôn, chung sống và mâu thuẫn như Chị L trình bày. Nay Chị L xin ly hôn anh H, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho Chị L được ly hôn anh H.

- UBND xã Y cung cấp: Việc đăng ký kết hôn của anh H và Chị L được thực hiện theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định. Quá trình chung sống vợ chồng anh H Chị L hay xảy ra mâu thuẫn do không hòa hợp về quan điểm lối sống, anh chị sống ly thân từ đầu năm 2024 cho đến nay. Đối với việc Chị L xin ly hôn với anh H, quan điểm địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

### **Tại phiên tòa:**

Nguyên đơn chị Trịnh Thị L trình bày: Chị giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh Phạm Văn H và giải quyết việc con chung.

Chủ tọa phiên tòa công bố lời khai của anh H vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh H phát biểu ý kiến:

- Việc chấp hành pháp luật: Kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, và các đương sự đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56, 57, 73, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 147 BLTTDS, Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trịnh Thị L, cho Chị L được ly hôn anh Phạm Văn H. Về con chung: Giao cho Chị L tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc con chung cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Công nhận sự tự nguyện của Chị L không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung. Anh H có quyền thăm và chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản; Về tài sản, nghĩa vụ chung và các vấn đề khác không đặt ra giải quyết. Chị L tự nguyện chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định.

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét, đánh giá toàn diện, khách quan, đầy đủ các chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, và quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thẩm quyền: Chị Trịnh Thị L và anh Phạm Văn H cư trú tại xã Y, huyện Y, tỉnh H nên căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Y.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa anh Phạm Văn H và những người làm chứng đã được triệu tập hợp lệ lần 2, nhưng vắng mặt không có lý do, nên HĐXX căn cứ Điều 228, 229 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt anh H.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn H và chị Trịnh Thị L đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Yên Mỹ theo đúng các trình tự, thủ tục do pháp luật quy định, vì vậy hôn nhân của anh H và Chị L là hợp pháp. Anh H và Chị L đều xác nhận trong cuộc sống hàng ngày vợ chồng có mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, tính cách và suy nghĩ không hợp nhau, có nhiều cãi vã nên đến đầu năm 2024 anh chị đã ly thân nhau, trong thời gian ly thân không ai quan tâm đến ai, cuộc sống ai biết người đó. Nay cả Chị L và anh H đều xác định tình cảm không còn, vợ chồng không yêu thương quý trọng nhau nữa nên Chị L xin ly hôn, anh H nhất trí. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng của Chị L và anh H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy cần ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn của anh H và Chị L.

[4] Về con chung: Chị L và anh H có 01 con chung là cháu Phạm Minh P, sinh ngày 13/10/2022 hiện nay đang ở với Chị L. Cả anh H và Chị L đều xin được nuôi con. Hội đồng xét xử thấy nguyện vọng nuôi con chung của Chị L và anh H là chính đáng, tuy nhiên hiện nay cháu P còn nhỏ (dưới 36 tháng tuổi), rất cần sự chăm sóc của người mẹ, mặt khác từ khi ly thân đến nay cháu đều đang ở với Chị L, Chị L hiện có công việc và thu nhập ổn định nên cần giao cháu P cho Chị L tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc là phù hợp và bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của cháu P.

[5] Về tài sản, công nợ, đất nông nghiệp: Hai bên tự nguyện không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Trịnh Thị L tự nguyện chịu toàn bộ án phí sơ thẩm ly hôn.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 73, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147; các Điều 228, 229, 235 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; khoản 3 Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

Xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Thị L.

2. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trịnh Thị L ly hôn với anh Phạm Văn H.

3. Về con chung: Giao cháu Phạm Minh P – sinh ngày 13/10/2022 cho chị Trịnh Thị L trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi kể từ tháng 8/2024. Chị L là đại diện hợp pháp của cháu P.

Ghi nhận sự tự nguyện của Chị L không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn anh H được quyền thăm và chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

Bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của người đó. Vì lợi ích của con chung, Chị L, anh H, cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về án phí: Chị Trịnh Thị L tự nguyện chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm được đối trừ số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) Chị L đã nộp theo Biên lai số 0003161 ngày 28/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Mỹ. Hoàn trả Chị L 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kết từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- Các đương sự;
- UBND xã Y.
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**( Đã ký)**

**Phan Thị Nhiên**